

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2020/DS-PT

Ngày 15/12/2020

*“V/v tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản”.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Thông;

*Các Thẩm phán:* Ông Lê Quốc Hương;

Bà Bùi Thị Ngọc.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trừ Minh Quốc – Là Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Đăk Nông.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đăk Nông tham gia phiên tòa:** Ông Dương Phúc Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 70/2020/TLPT-DS ngày 02 tháng 11 năm 2020 về việc *“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 21/2020/DS-ST ngày 29/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô, tỉnh Đăk Nông bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 69/2020/QĐ-PT ngày 09 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Bùi Thị B – Vắng mặt.

Địa chỉ: Số nhà 37, tổ 27, phường T, TP. T, tỉnh Thái Bình.

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Ông Bùi Quang T

Địa chỉ: Số 21, đường 23/3, tổ dân phố 2, phường N, thành phố G, tỉnh Đăk Nông (theo văn bản ủy quyền ngày 20/11/2020) - Có mặt.

**- Bị đơn:** Ông Bùi Đức H – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn Đăk Tâm, xã Đ, huyện K, tỉnh Đăk Nông.

+ Bà Nguyễn Thị T – Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn K, xã Đ, huyện K, tỉnh Đăk Nông.

*Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Tuyết:* Ông Nguyễn Khánh L, địa chỉ: số 6, đường N, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Nông (theo văn bản ủy quyền ngày 04/7/2019) – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Cụ ông Trần Đăng C; cụ bà Lê Thị T1; cháu Trần Bùi Ngọc A; cháu Trần Bùi Quốc B; Cùng địa chỉ: số nhà 37a, ngõ 527, đường T, tổ 27 (nay là tổ 16 phường Trần Lãm), thành phố Thái B, tỉnh Thái Bình – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

*- Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Bùi Thị B.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 04/7/2019 của bà Bùi Thị B và trong quá trình giải quyết vụ án ông Dương Văn N là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Năm 2014, bà Bùi Thị B và ông Trần A Tuấn (chồng bà B đã chết năm 2016) có cho ông Bùi Đức H và bà Nguyễn Thị T(vợ ông H) vay tiền nhiều lần, bằng hình thức chuyển qua số tài khoản của ông H và có lần ông H trực tiếp nhận tiền mặt tại tỉnh Thái B, tổng cộng toàn bộ là 970.000.000 đồng (*Chín trăm bảy mươi triệu đồng*). Mục đích vay tiền để mua rẫy kinh doanh. Do ông H, bà T là người thân của bà B nên không tính lãi suất, không thỏa thuận thời hạn thanh toán, hẹn khi nào bà B cần tiền thì ông H, bà T sẽ trả.

Tuy nhiên, khi bà B cần tiền và yêu cầu thì ông H, bà T trả nợ nhưng ông bà không trả và khất nợ nhiều lần. Năm 2016, ông T2 bị bệnh cần tiền điều trị bà B điện thoại đòi nợ nhiều lần nhưng vẫn không trả. Đến ngày 08/6/2017, bà B vào nhà ông H, bà T tại thôn Đ, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông để lập biên bản xác nhận nợ và thống nhất đến hết tháng 9 năm 2018 ông H, bà T phải trả hết số tiền trên cho bà B, các bên cùng ký tên vào biên bản xác nhận nợ, với sự chứng kiến của người làm chứng là ông Lê Văn T3.

Đến ngày 06/8/2018, bà T đã trả cho bà B 5.000.000 đồng và ngày 06/9/2018, bà T trả cho bà B 10.000.000 đồng đều bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản của bà Bình, số tiền còn lại đến nay chưa trả. Do đó, bà B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Bùi Đức H và bà Nguyễn Thị T phải có nghĩa vụ trả cho bà B số tiền gốc 955.000.000 đồng (*Chín trăm năm mươi lăm triệu đồng*) và tiền lãi tính từ ngày 01/10/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm 29/9/2020 là 955.000.000 đồng x 1,66% x 23 tháng 29 ngày = 379.943.566 đồng (*làm tròn 379.943.000 đồng*). Tổng cộng cả nợ gốc và lãi là 1.334.943.000 đồng.

*Bị đơn ông Bùi Đức H trình bày:* Năm 2014, ông H về quê thăm mẹ ốm, sau đó đến nhà ông Trần Anh Tuấn, bà Bùi Thị B chơi. Trong lúc ngồi nói chuyện ông H nói đất nơi ông H ở rẫy, nên ông T2 thống nhất đầu tư tiền để mua đất bán kiếm lời. Ông H đã liên hệ với bà Hoàng Thị S ở huyện C để mua đất rẫy, hai bên thống nhất giá bán 1,2 tỷ đồng. Ông T2 đã chuyển tiền qua tài khoản cho ông H nhiều

lần, tổng cộng 970.000.000 đồng, ông H đã dùng 200.000.000 đồng để đặt cọc mua rẫy của bà S, nhưng do ông T2 không chuyển đủ tiền để trả tiền mua rẫy, nên bị mất số tiền đặt cọc 200.000.000 đồng. Ông H cho ông Nguyễn Văn H1 không rõ địa chỉ ở thành phố Hồ Chí Minh là người quen biết mượn 800.000.000 đồng đến nay chưa trả.

Đến ngày 08/6/2017, ông H có ký vào biên bản xác nhận nợ với tổng số tiền là 970.000.000 đồng, hẹn mỗi năm trả 30.000.000 đồng, nếu kinh tế tốt thì trả nhiều hơn, biên bản không có chữ ký của bà T (ông H, bà T đã ly hôn năm 2015).

*Bị đơn bà Nguyễn Thị T và người đại diện theo uỷ quyền của bà T là ông Nguyễn Khánh L trình bày:*

Bà T không tham gia vào giao dịch vay mượn tiền giữa ông T2, bà B với ông H, không biết được ông H vay tiền từ khi nào, vay để sử dụng vào mục đích gì, ông H cũng không sử dụng số tiền vay vào mục đích sinh hoạt chung của gia đình, tại thời điểm vay bà T không hề biết, sau khi vay, ông H cũng không báo lại cho bà T biết. Biên bản xác nhận nợ ngày 08/6/2017, không có chữ ký, chữ viết của bà Tuyết, nên không thể lấy biên bản này để làm căn cứ cho rằng bà T có nợ tiền của bà B. Do đó, bà T không có nghĩa vụ phải trả khoản nợ do ông H vay. Việc bà T chuyển trả cho bà B hai lần với tổng số tiền là 15.000.000 đồng là do ông H có nhờ bà T chuyển hộ thời điểm chuyển tiền bà T và ông H đã ly hôn, bà T cũng không hỏi nội dung và mục đích chuyển tiền.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: - Cụ ông Trần Đăng C và cụ bà Lê Thị T1 (bố, mẹ đẻ của ông Trần Anh T2) trình bày:*

Ông Trần Anh T2 và bà Bùi Thị B có 02 con chung là Trần Bùi Ngọc A, sinh ngày 27/8/2003 và Trần Bùi Quốc B, sinh ngày 29/4/2009. Ông T2 không có con riêng, không có bố mẹ nuôi, ông Tuấn chết năm 2016.

Năm 2014, cụ C, cụ T1 nghe ông T2, bà B nói về số tiền 970.000.000 đồng gửi cho ông H, bà Tở tỉnh Đắk Nông để mua chung rẫy, còn nội dung thế nào thì các cụ không rõ, bà B vào nhà ông H, bà T để đòi tiền, đến nay chưa trả. Đây là số tiền của ông Tuấn, bà B các cụ không liên quan. Các cụ đồng ý để bà B toàn quyền khởi kiện yêu cầu ông H, bà T trả tiền để nuôi con, không yêu cầu thừa kế đối với số tiền trên. Do ở xa đi lại khó khăn, nên các cụ có đơn xin xét xử vắng mặt.

*- Cháu Trần Bùi Ngọc A, Trần Bùi Quốc B trình bày:* Cháu Trần Bùi Ngọc A, Trần Bùi Quốc B là con ruột của ông T2, bà B. Ông Tuấn không có con riêng, con nuôi. Trước đây các cháu có nghe bố mẹ nói gửi cho ông H, bà Tở tỉnh Đắk Nông 970.000.000 đồng để mua chung rẫy, còn nội dung cụ thể thế nào thì không rõ. Nay các cháu đồng ý để bà B toàn quyền khởi kiện yêu cầu ông H, bà T phải trả số tiền trên.

*Người làm chứng ông Lê Văn T3 trình bày:* Ông T3 là cháu của ông T2 (chồng bà B). Vào ngày 08/6/2017, ông T2 và bà B đến nhà ông H, bà T để đòi nợ

nhưng không được, nên đã lập biên bản xác nhận nợ, ai trực tiếp viết biên bản thì ông không nhớ, lúc đó bà T cũng có mặt nhưng do các bên không thống nhất được thời hạn thanh toán và phương thức thanh toán nên bà T không ký vào biên bản. Giữa bà B, ông H, bà T thỏa thuận ông H nợ bà B số tiền gốc 970.000.000 đồng. ông H hứa mỗi năm sẽ trả cho bà B 30.000.000 đồng nhưng bà B không đồng ý. Bà T cũng nhận còn nợ bà B số tiền 970.000.000 đồng nhưng kêu khó khăn không trả được nhiều và không đồng ý trả theo ý kiến của bà B nên không ký vào biên bản.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 21/2020/DS-ST ngày 29/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô đã quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị B.

Buộc ông Bùi Đức H có nghĩa vụ thanh toán cho bà Bùi Thị B số tiền 1.334.943.000 đồng (*một tỷ ba trăm ba mươi bốn triệu chín trăm bốn mươi ba nghìn đồng*), trong đó tiền gốc 955.000.000 đồng, tiền lãi tạm tính đến ngày 29/9/2020 là 379.943.000 đồng.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị B yêu cầu bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ thanh toán cùng với ông Bùi Đức H số tiền 1.334.943.000 đồng (*một tỷ ba trăm ba mươi bốn triệu chín trăm bốn mươi ba nghìn đồng*), trong đó tiền gốc 955.000.000 đồng, tiền lãi 379.943.000 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 06/10/2020 bà Bùi Thị B kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết buộc bà Nguyễn Thị T phải cùng ông Bùi Đức H thanh toán cho bà số tiền gốc 955.000.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất 1,66%/tháng tính từ ngày 01/10/2018 đến khi xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với số tiền gốc 955.000.000đ và xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi cụ thể: Trong đơn khởi kiện yêu cầu tính lãi suất 20%/năm, nay xin rút lại chỉ yêu cầu ông H, bà T trả tiền lãi suất 10%/năm quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận lãi suất 20%/năm là không đúng bởi lẽ đây là hợp đồng vay không có lãi suất, khi đến hạn bên vay không trả nợ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đều có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông phát biểu ý kiến: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá các chứng cứ có trong hồ sơ, kết quả tra tụng tại phiên tòa, xét thấy tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi, yêu cầu bị đơn phải trả lãi là 10%/năm quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm số 21/2020/DS-ST ngày 29/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô về phần lãi suất và án phí dân sự sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH:**

Xét yêu cầu kháng cáo của bà Bùi Thị B, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Bùi Thị B làm trong thời hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là đúng pháp luật.

Quá trình giải quyết bị đơn ông Bùi Đức H đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào các tài liệu, chứng khác đã được thu thập lưu trong hồ sơ để giải quyết vắng mặt bị đơn ông Bùi Đức H là phù hợp pháp luật.

[2]. Về nội dung: Xét kháng cáo của bà Bùi Thị B cho rằng bà Nguyễn Thị T phải có nghĩa vụ cùng với ông Bùi Đức H thanh toán số nợ đã vay cho bà B, Hội đồng xét xử xét thấy: Ông H và bà B là anh em con chú, bác ruột. Vào năm 2014, ông H về thăm mẹ ốm điều trị tại bệnh viện tỉnh Thái Bình và gặp bà B mời vào thăm nhà, lúc này ông H có nói chuyện với ông Trần Anh Tuấn (chồng bà B) về việc góp vốn làm ăn kinh tế, cụ thể mua phân bón bán lại cho người dân lao động đến cuối vụ thu lại tiền, tính lãi suất cao và mua rẫy giá rẻ sau bán sẽ có lợi nhuận. Sau đó vợ chồng bà B đã thống nhất với ông H sẽ chuyển cho ông H khoảng 1 tỷ đồng để hợp tác kinh doanh. Thực tế vợ chồng bà B đã chuyển tiền trực tiếp vào tài khoản mang tên người nhận là Bùi Đức H 10 lần với tổng số tiền là 970.000.000 đồng (BL 188-193). Như vậy, tại thời điểm các bên bàn bạc góp vốn hợp tác kinh doanh thì bà Nguyễn Thị T (vợ ông H) không hề biết. Sau khi nhận được tiền, ông H đã liên hệ để mua rẫy của bà Hoàng Thị Soa, địa chỉ 255, thị trấn E, huyện C với số tiền 1,2 tỷ đồng, đã đặt cọc 200.000.000đ, đến hạn thanh toán ông T2 không chuyển đủ tiền cho ông H để trả tiền mua rẫy nên bị mất tiền cọc (BL 203, 204, 209, 210). Sau đó ông H chuyển cho ông Nguyễn Văn H1 không rõ địa chỉ ở thành phố Hồ Chí Minh số tiền khoảng hơn 800.000.000 đồng (BL 205). Ông H1g cũng thừa nhận có nhận của ông H tổng số tiền là 2.530.000.000 đồng gồm cả tiền chạy việc và tiền vay của ông H (BL 208).

[2.1]. Sau nhiều lần bà B điện thoại cho ông H đòi tiền nhưng không trả, đến ngày 08/6/2017, bà B cùng với anh Lê Văn T3 vào nhà ông H lập biên bản xác nhận nợ, với tổng số tiền 970.000.000 đồng, ông H có hứa mỗi năm trả 30.000.000 đồng, nếu kinh tế tốt thì trả nhiều hơn, biên bản không có chữ ký của bà T(BL 76). Như vậy, có căn cứ xác định ông T2, bà B có chuyển số tiền 970.000.000đ cho ông Bùi Đức H là có thật, được ông H thừa nhận. Đến ngày 06/8/2018, bà T đã trả cho bà B 5.000.000 đồng và ngày 06/9/2018, bà T trả cho bà B 10.000.000 đồng đều bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản của bà B, số tiền còn lại đến nay chưa trả.

[2.2]. Quá trình giải quyết, bà Nguyễn Thị T xác định bà không hề biết việc vợ chồng bà B và ông H thoả thuận việc góp vốn kinh doanh, sau khi nhận tiền, ông H không thông báo lại cho bà biết, cũng không sử dụng số tiền này vào mục đích sinh hoạt chung trong gia đình. Thời điểm lập biên bản xác nhận nợ thì bà T và ông H đã ly hôn, bà T không ký vào giấy xác nhận nợ, vì bà không hề biết khoản nợ này. Việc bà chuyển trả số tiền 15.000.000đ cho bà B là do ông H nhờ bà chuyển hộ, chứ bà không biết được việc làm ăn giữa ông H và vợ chồng bà B. Do đó, Toà án cấp sơ thẩm buộc ông H phải có nghĩa vụ trả cho bà B 955.000.000đ tiền gốc là có căn cứ.

[2.3]. Tại phiên toà phúc thẩm, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn cung cấp đĩa DVD-R kèm theo vi bằng số 197/2020/VB-TPLĐN ngày 14/12/2020. Sau khi Hội đồng xét xử xem xét toàn bộ nội dung vi bằng thì không có nội dung nào thể hiện bà T thừa nhận nợ và chấp nhận trả nợ cho bà B và cũng không có nội dung nào xác định sau khi ông H nhận tiền của bà B đưa về cho bà T để sử dụng vào mục đích sinh hoạt chung trong gia đình. Do đó, không có căn cứ để buộc bà T phải có nghĩa vụ cùng với ông H trả nợ cho bà B.

[3]. Về lãi suất: Quá trình giải quyết các bên đương sự đều thừa nhận là tiền góp vốn kinh doanh, hai bên không thoả thuận lãi suất. Sau khi làm ăn không có kết quả, bà B đã gọi điện thoại yêu cầu ông H phải trả lại toàn bộ số tiền trên nhưng ông H không trả. Đến ngày 08/6/2017, bà B cùng với anh Lê Văn T3 vào nhà ông H lập biên bản xác nhận nợ, với tổng số tiền 970.000.000 đồng. Như vậy, giữa các bên đã thống nhất chuyển từ tiền góp vốn kinh doanh thành tiền nợ và hẹn đến tháng 9/2018 phải trả hết toàn bộ số tiền 970.000.000đ, đến hạn trả nợ nhưng ông H vẫn không trả. Do đó, bà B yêu cầu tính lãi suất 20%/năm, Toà án cấp sơ thẩm buộc ông H phải trả lãi cho bà B 20%/năm là trái với quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự. Tuy nhiên, tại phiên toà phúc thẩm người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn đã xin rút một phần tiền lãi chỉ yêu cầu ông H phải trả lãi 10%/năm quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự. Xét thấy, việc rút một phần tiền lãi của nguyên đơn tại phiên toà phúc thẩm là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp pháp luật. Do đó, mặc dù không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu

kháng cáo của nguyên đơn, nhưng do nguyên đơn xin rút một phần tiền lãi, nên cần phải sửa bản án sơ thẩm về phần lãi suất và án phí dân sự sơ thẩm.

[4]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tại phiên toà là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên cần chấp nhận.

[5]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm bị sửa, nên bà Bùi Thị B không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho bà Bùi Thị B 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 148, điểm c khoản 1 Điều 289 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 117, Điều 429, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự; Khoản 2 Điều 26, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 21/2020/DS-ST ngày 29/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông.

**1.** Đình chỉ xét xử đối với số tiền lãi 189.971.500 đồng do người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn đã rút tại phiên toà phúc thẩm.

**2.** Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị B.

Buộc ông Bùi Đức H có nghĩa vụ thanh toán cho bà Bùi Thị B số tiền 1.144.971.500 đồng (*một tỷ một trăm bốn mươi bốn triệu chín trăm bảy mươi một nghìn năm trăm đồng*), trong đó tiền gốc 955.000.000 đồng, tiền lãi tạm tính đến ngày 29/9/2020 là 189.971.500 đồng.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

**3.** Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị B về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ cùng với ông Bùi Đức H thanh toán số tiền 1.144.971.500 đồng (*một tỷ một trăm bốn mươi bốn triệu chín trăm bảy mươi một nghìn năm trăm đồng*), trong đó tiền gốc 955.000.000 đồng, tiền lãi tạm tính đến ngày 29/9/2020 là 189.971.500 đồng.

**4. Về án phí dân sự sơ thẩm:** Buộc ông Bùi Đức H phải chịu 46.349.145 đồng, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

Hoàn trả cho bà Bùi Thị B 22.465.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà B đã nộp theo biên lai số 0000953 ngày 22/7/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K (do ông Dương Văn Nhượng nộp thay).

**5. Về án phí dân sự phúc thẩm:** Hoàn trả cho bà Bùi Thị B 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên số 0003908 ngày 13/10/2020, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Nông.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- TAND huyện Krông Nô;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Tổ Hành chính tư pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký, đóng dấu)*

**Phạm Thị Thông**